

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH**ĐẾN**

Số: 5124

Giờ: Ngày 21 tháng 12 năm 11

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,157,715,376,917	914,828,473,655
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	126,803,346,930	209,967,674,177
1. Tiền	111		103,803,346,930	151,967,674,177
2. Các khoản tương đương tiền	112		23,000,000,000	58,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37,562,600,555	15,300,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	37,562,600,555	15,300,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		339,913,900,009	333,781,035,976
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	333,368,392,439	313,778,577,707
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	10,133,236,311	18,850,212,538
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	443,137,903	1,152,245,731
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(4,030,866,644)	-
IV. Hàng tồn kho	140		623,648,304,929	334,239,891,853
1. Hàng tồn kho	141	V.7	648,386,050,645	355,061,759,269
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(24,737,745,716)	(20,821,867,416)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29,787,224,494	21,539,871,649
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	821,149,166	608,820,078
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16,273,408,024	10,315,619,657
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	537,381,441	1,496,010,723
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	12,155,285,863	9,119,421,191

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		638,026,735,833	601,428,190,243
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		591,662,356,521	569,140,010,538
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	509,119,056,687	514,833,994,879
<i>Nguyên giá</i>	222		707,200,113,683	640,505,272,657
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(198,081,056,996)	(125,671,277,778)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	48,226,156,602	34,915,377,050
<i>Nguyên giá</i>	228		49,692,887,301	35,878,937,301
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,466,730,699)	(963,560,251)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	34,317,143,232	19,390,638,609
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	10,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	10,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	269		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		46,364,379,312	32,278,179,705
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	23,053,363,235	17,594,333,935
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	6,878,898,588	2,613,223,603
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	16,432,117,489	12,070,622,167
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,795,742,112,750	1,516,256,663,898

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		817,362,050,887	839,364,459,048
I. Nợ ngắn hạn	310		726,693,041,270	628,513,866,675
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	348,051,393,210	399,402,059,691
2. Phải trả người bán	312	V.19	96,401,323,463	168,013,169,506
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	579,192,137	1,195,641,514
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	22,746,904,676	21,899,615,883
5. Phải trả người lao động	315	V.22	30,767,767,586	24,042,250,476
6. Chi phí phải trả	316	V.23	39,690,622,505	1,148,887,790
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	168,714,960,901	4,004,047,564
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	19,740,876,792	8,808,194,251
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		90,669,009,617	210,850,592,373
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	88,869,872,693	209,822,118,693
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.27	1,799,136,924	1,028,473,680
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		930,425,478,534	642,319,399,270
I. Vốn chủ sở hữu	410		930,425,478,534	642,319,399,270
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	471,512,730,000	325,680,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	191,808,000,000	92,448,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(32,725,310,618)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.28	(3,078,574,462)	861,407,971
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.28	136,774,604	136,774,604
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	302,771,859,010	223,193,216,695
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		47,954,583,328	34,572,805,580
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,795,742,112,749	1,516,256,663,898

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		5,656,325.53	4,864,228.68
Euro (EUR)		438.09	432.41
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Tháp, ngày 17 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý IV/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	873,278,260,720	695,862,902,068	3,031,545,302,331	2,785,274,167,595
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1,151,392,211	620,550,668	12,480,127,012	14,271,126,710
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	872,126,868,509	695,242,351,400	3,019,065,175,319	2,771,003,040,885
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	745,058,021,915	608,394,665,038	2,486,595,120,902	2,318,805,922,373
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		127,068,846,594	86,847,686,362	532,470,054,417	452,197,118,512
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15,930,594,464	8,573,467,201	63,890,922,529	54,951,217,933
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	20,010,434,427	(15,456,740,402)	75,403,993,251	71,729,956,746
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10,239,399,230	12,052,408,446	44,772,275,292	49,057,616,580
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	57,144,759,533	42,583,895,843	213,516,880,077	159,219,196,109
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	12,043,661,941	7,936,416,699	48,719,243,719	35,032,152,214
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53,800,585,157	60,357,581,423	258,720,859,899	241,167,031,376
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1,908,389,548	1,373,452,277	4,563,093,316	5,048,147,679
12. Chi phí khác	32	VI.8	208,527,288	1,701,676,903	383,883,533	5,892,183,887
13. Lợi nhuận khác	40		1,699,862,260	(328,224,626)	4,179,209,783	(844,036,208)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		55,500,447,417	60,029,356,797	262,900,069,682	240,322,995,168
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	6,233,431,410	10,786,694,749	42,030,490,321	27,570,711,035
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(30,561,952)	675,379,075	(4,265,674,985)	4,771,012,040
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		49,297,577,959	48,567,282,973	225,135,254,346	207,981,272,093
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		6,823,710,758	1,869,161,892	13,381,777,748	14,752,208,587
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		42,473,867,201	46,698,121,081	211,753,476,598	193,229,063,506
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	905	1,543	4,524	6,427


 Nguyễn Thị Kim Đào
 Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 17 tháng 02 năm 2011

 Trương Thị Lê Khanh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		262,900,069,682	240,322,995,168
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, V.13	73,015,587,713	64,519,745,487
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8	7,946,744,944	(1,809,644,569)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	13,332,794,616
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(8,610,832,173)	(1,790,099,821)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	44,772,275,292	49,057,616,580
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		380,023,845,458	363,633,407,461
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(40,551,422,866)	(40,377,232,449)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(293,324,291,376)	6,225,568,009
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		142,191,745,762	46,555,428,778
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5,671,358,388)	(3,505,671,121)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.23, VI.4	(40,032,365,081)	(50,990,324,832)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(35,459,011,250)	(16,208,085,454)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.25	586,757,000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.17, V.25	(5,180,108,904)	(6,970,487,441)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		102,583,790,355	298,362,602,951
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12, V.13, V.14	(94,501,631,002)	(96,726,024,641)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	160,454,545	478,069,372
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(34,697,256,415)	(162,804,060,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	9,634,655,860	147,914,060,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		10,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	8,592,894,324	5,547,435,860
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(110,800,882,688)	(105,590,519,409)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.28	126,960,000,000	118,128,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(32,725,310,618)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18, V.26	1,163,336,269,651	2,162,598,741,514
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(1,335,162,633,558)	(2,238,401,310,252)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(25,850,000)	(45,013,500,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(77,617,524,525)	(2,688,068,738)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(85,834,616,858)	190,084,014,804
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	209,967,674,178	20,826,093,565
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2,670,289,610	(942,434,192)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	126,803,346,930	209,967,674,177

Đồng Tháp, ngày 17 tháng 02 năm 2011



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Quý IV năm 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2010 của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Công ty mẹ) và các Công ty con (bao gồm Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 và Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Công ty mẹ

- a. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- b. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại.
- c. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản).

2. **Tổng số các công ty con** : 2

3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp	69,80%	69,80%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2, Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	100,00%	100,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính của từng Công ty được trình bày theo đơn vị tiền tệ của quốc gia mà đơn vị đó hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo Đồng Việt Nam (VND), đồng tiền quốc gia mà Công ty mẹ đang hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 6

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 4 - 5 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, trái phiếu được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÀO CẢO TẠI CHỖ NHẬT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tại chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 - 6 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phân đất đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí tư vấn

Chi phí tư vấn được phân bổ trong 18 tháng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại các Công ty trong Tập đoàn trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả cấp cho người lao động thì việc trong kỳ thì phần chênh lệch thì được hạch toán vào chi phí.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty cổ phần Vinh Hoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của từng Công ty.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu kỳ sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty con có đồng tiền hạch toán khác với tiền Đồng Việt Nam được chuyển đổi như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010.
- Doanh thu và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
30/09/2010 : 18.932 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.375.450.822	1.941.192.023
Tiền gửi ngân hàng	98.427.896.108	150.026.482.154
Các khoản tương đương tiền (*)	23.000.000.000	58.000.000.000
Cộng	<u>126.803.346.930</u>	<u>209.967.674.177</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 1 năm	32.197.256.415	2.800.000.000
Cho vay	5.365.344.140	12.500.000.000
Cộng	<u>37.562.600.555</u>	<u>15.300.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	149.397.442.419	148.701.382.211
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	36.854.446.317	86.027.809.662
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	147.116.503.703	79.049.385.834
Cộng	<u>333.368.392.439</u>	<u>313.778.577.707</u>

4. Trả trước người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	10.034.420.550	15.912.029.425
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	98.815.761	2.938.183.113
Cộng	<u>10.133.236.311</u>	<u>18.850.212.538</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi cho vay phải thu	-	327.700.000
Các khoản phải thu khác	443.137.903	824.545.731
Cộng	<u>443.137.903</u>	<u>1.152.245.731</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Khoản dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) do khách hàng bị phá sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	2.872.425.590	259.157.628
Nguyên liệu, vật liệu	239.702.625.794	70.069.896.138
Công cụ, dụng cụ	2.555.460.474	2.004.874.353
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	207.299.064.692	111.911.030.281
Thành phẩm	195.470.343.331	170.791.254.700
Hàng hóa	486.130.764	25.546.169
Hàng gửi đi bán	-	-
Cộng	<u>648.386.050.645</u>	<u>355.061.759.269</u>

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	-	265.435.081
Thành phẩm	24.737.745.716	20.556.432.335
Cộng	<u>24.737.745.716</u>	<u>20.821.867.416</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	20.821.867.416
Tăng trong năm	3.915.878.300
Số cuối kỳ	<u>24.737.745.716</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	608.820.078
Tăng trong kỳ	2.626.290.392
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(2.413.961.304)
Số cuối kỳ	<u>821.149.166</u>

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa.

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	12.152.285.863	8.565.632.491
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	553.788.700
Cộng	<u>12.155.285.863</u>	<u>9.119.421.191</u>

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	245.668.821.886	381.529.678.645	11.779.335.758	1.527.436.368	640.505.272.657
Tăng trong kỳ	31.986.818.276	31.327.607.774	4.637.512.971	416.695.142	68.368.634.163
<i>Mua sắm mới</i>	4.034.400.000	2.516.923.570	4.637.512.971	384.270.211	11.573.106.752
<i>Đầu tư xây dựng</i>	26.562.982.723	28.810.684.204	0		55.373.666.927

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>hoàn thành</i>				-	
<i>Tăng khác</i>	1.389.435.553	-	-	32.424.931	1.421.860.484
Giảm trong kỳ	-	(1.542.578.992)	(131.214.145)	-	(1.673.793.137)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(76.513.000)	(131.214.145)	-	(207.727.145)
<i>Giảm khác</i>	-	(1.466.065.992)	-	-	(1.466.065.992)
Số cuối kỳ	277.655.640.162	411.314.707.427	16.285.634.584	1.944.131.510	707.200.113.683
<i>Trong đó:</i>					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	20.351.429.138	101.067.873.527	3.584.492.890	667.482.223	125.671.277.778
Tăng trong kỳ	16.803.484.448	53.018.120.445	2.275.532.127	415.280.245	72.512.417.265
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>16.803.484.448</i>	<i>53.018.120.445</i>	<i>2.275.532.127</i>	<i>415.280.245</i>	<i>72.512.417.265</i>
<i>Tăng khác</i>	0	-	-	0	0
Giảm trong kỳ	-	(89.881.117)	(12.756.930)	-	(102.638.047)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(89.881.117)	(12.756.930)	-	(102.638.047)
<i>Giảm khác</i>	-	0	-	-	0
Số cuối kỳ	37.154.913.586	153.996.112.855	5.847.268.087	1.082.762.468	198.081.056.996
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	225.317.392.748	280.461.805.118	8.194.842.868	859.954.145	514.833.994.879
Số cuối kỳ	240.500.726.576	257.318.594.572	10.438.366.497	861.369.042	509.119.056.687
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	35.275.891.501	603.045.800	35.878.937.301
Mua trong kỳ	13.667.700.000	146.250.000	13.813.950.000
Số cuối kỳ	48.943.591.501	749.295.800	49.692.887.301
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	612.648.913	350.911.338	963.560.251

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Khấu hao trong kỳ	381.861.408	121.309.040	503.170.448
Số cuối kỳ	994.510.321	472.220.378	1.466.730.699
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	34.663.242.588	252.134.462	34.915.377.050
Số cuối kỳ	47.949.081.180	277.075.422	48.226.156.602

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	1.860.216.476	9.527.724.899	(5.777.552.429)	5.610.388.946
XDCB dở dang	17.530.422.133	64.624.479.877	(53.448.147.724)	28.706.754.286
Công trình nhà xưởng số 1	14.065.351.190	45.109.308.853	(43.416.732.874)	15.757.927.169
Công trình nhà xưởng số 2	0	932.070.216	0	932.070.216
Công trình nhà xưởng số 3	1.920.571.250	0	-	1.920.571.250
Chi phí đào ao nuôi cá	992.567.852	12.867.554.527	(5.121.338.816)	8.738.783.563
Các chi phí xây dựng dở dang khác	551.931.841	5.715.546.281	(4.910.076.034)	1.357.402.088
Cộng	19.390.638.609	74.152.204.776	(59.225.700.153)	34.317.143.232

15. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu năm	17.594.333.935
Phát sinh trong năm	8.789.190.482
Hoàn nhập trong năm	(3.330.161.182)
Số cuối năm	23.053.363.235

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	2.613.223.603
Phát sinh trong kỳ	6.878.898.588
Hoàn nhập trong kỳ	(2.613.223.603)
Số cuối kỳ	6.878.898.588

17. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	342.051.393.210	355.168.735.691
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(a)	25.100.329.580	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	118.151.063.630	276.252.854.450
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh	198.800.000.000	78.915.881.241

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Đồng Tháp</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.26)	6.000.000.000	44.233.324.000
Cộng	<u>348.051.393.210</u>	<u>399.402.059.691</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngắn hạn	355.168.735.691	1.123.379.391.419	-	(1.130.296.317.558)	(6.200.416.342)	342.051.393.210
Vay dài hạn đến hạn trả	44.233.324.000	-	14.000.000.000	(52.233.324.000)	-	6.000.000.000
Cộng	<u>399.402.059.691</u>	<u>1.123.379.391.419</u>	<u>14.000.000.000</u>	<u>(1.182.529.641.558)</u>	<u>(6.200.416.342)</u>	<u>348.051.393.210</u>

19. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	57.722.734.201	103.544.659.164
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	38.427.948.510	64.026.648.629
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	250.640.752	441.861.713
Cộng	<u>96.401.323.463</u>	<u>168.013.169.506</u>

20. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	313.667.050	1.020.327.068
Các khách hàng ngoài nước	265.525.087	175.314.446
Cộng	<u>579.192.137</u>	<u>1.195.641.514</u>

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	3.087.179.292	(3.087.179.292)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.114.854.235	19.114.204.165	(20.234.743.087)	(5.684.687)
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(1.496.010.723)	2.010.793.981	(1.046.480.012)	(531.696.754)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.473.339.655	40.446.560.159	(35.459.011.250)	22.460.888.564
Thuế thu nhập cá nhân	95.657.597	1.562.679.886	(1.372.321.371)	286.016.112
Thuế nhà đất	-	627.573.749	(627.573.749)	-
Các loại thuế khác	3.215.764.396	10.145.058.342	(13.360.822.738)	-
Cộng	<u>20.403.605.160</u>	<u>76.994.049.574</u>	<u>(75.188.131.499)</u>	<u>22.209.523.235</u>

(*) Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuyết minh V.10).

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Thủy sản xuất khẩu 0%

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến, bột cá	5%
- Thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu, mỡ cá, ...	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Lương tháng 9 và khoản trích lương tháng 13 phải trả công nhân viên.

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	-	447.052.580
Chi phí khác	39.690.622.505	701.835.210
Cộng	39.690.622.505	1.148.887.790

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.693.839.082	1.196.106.374
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	755.547.141	577.514.590
Bảo hiểm thất nghiệp	8.525.157	-
Cổ tức phải trả	45.400.000	71.250.000
Phải trả tiền hàng XK Ủy thác	164.982.218.437	
Các khoản phải trả khác	1.229.431.084	2.159.176.600
Cộng	168.714.960.901	4.004.047.564

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	8.808.194.251
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	15.526.034.445
Tăng khác	786.757.000
Chi quỹ trong kỳ	(5.380.108.904)
Giảm khác	
Số cuối kỳ	19.740.876.792

26. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	23.627.560.693	143.822.118.693
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	65.242.312.000	66.000.000.000
Cộng	88.869.872.693	209.822.118.693

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 1 năm trở xuống	6.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	65.242.312.000
Trên 5 năm	23.627.560.693
Tổng nợ	94.869.872.693

Chi tiết phát sinh trong kỳ của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	209.822.118.693
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	39.481.050.000
Chênh lệch tỷ giá	6.199.696.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(152.632.992.000)
Số kết chuyển	(14.000.000.000)
Số cuối kỳ	88.869.872.693

27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.028.473.680
Số trích lập trong kỳ	1.064.470.244
Số chi trong kỳ	(293.807.000)
Số cuối kỳ	1.799.136.924

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	25.850.000
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	25.850.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273	32.568.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273	32.568.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.052.920	-
- Cổ phiếu phổ thông	1.052.920	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.098.353	32.568.000
- Cổ phiếu phổ thông	46.098.353	32.568.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2010	Năm 2009
Tổng doanh thu	3.031.545.302.331	2.785.274.167.595
- Doanh thu bán hàng hóa	384.268.817.325	467.191.638.220
- Doanh thu bán thành phẩm	2.288.214.685.699	2.064.109.029.517
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.094.162.374	3.497.138.240
- Doanh thu nguyên vật liệu	24.855.854.162	9.784.270.756
- Doanh thu phụ phẩm	306.111.782.771	240.692.090.862
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(12.480.127.012)	(14.271.126.710)
- Giảm giá hàng bán	(632.764.744)	(465.021.060)
- Hàng bán bị trả lại	(11.847.362.268)	(13.806.105.650)
Doanh thu thuần	3.019.065.175.319	2.771.003.040.885
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	380.625.659.353	465.322.529.320
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	2.279.377.716.659	2.053.948.182.787
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	28.094.162.374	3.497.138.240
- Doanh thu thuần nguyên vật liệu	24.855.854.162	9.784.270.756
- Doanh thu thuần phụ phẩm	306.111.782.771	238.450.919.782

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2010	Năm 2009
Giá vốn của hàng hóa	336.825.701.412	451.571.061.418
Giá vốn của thành phẩm	1.873.326.970.282	1.664.752.891.157
Giá vốn của nguyên vật liệu	23.492.808.079	8.575.365.728
Giá vốn của phế phẩm	249.033.762.828	191.644.472.237
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.915.878.300	2.262.131.833
Cộng	2.486.595.120.902	2.318.805.922.373

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2010	Năm 2009
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.875.588.700	5.211.647.010
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	743.647.088	619.567.612
Lãi cho vay	1.735.243.473	335.788.850
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	2.894.152.247	4.559.691.055
Lãi bán hàng trả chậm	7.333.384.706	7.248.453.037
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		8.166.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	44.308.906.315	36.967.904.369
Cộng	63.890.922.529	54.951.217.933

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2010	Năm 2009
Lãi tiền vay	44.772.275.292	49.057.616.580
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		13.340.960.616
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30.631.717.959	9.331.379.550
Cộng	75.403.993.251	71.729.956.746

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí nhân viên	4.387.496.983	3.213.176.514
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.720.919	18.159.091
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.631.780	58.197.916
Chi phí dịch vụ mua ngoài	141.444.467.795	114.715.062.409
Chi phí bằng tiền khác	67.553.562.600	41.214.600.179
Cộng	213.516.880.077	159.219.196.109

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí nhân viên	17.577.881.580	12.495.359.244
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	916.489.754	747.265.770
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.484.575.218	1.691.004.582
Thuế, phí và lệ phí	1.338.028.085	841.875.680
Chi phí dự phòng	4.030.866.644	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.871.023.204	3.009.514.391
Chi phí bằng tiền khác	19.500.379.234	16.247.132.547
Cộng	48.719.243.719	35.032.152.214

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2010	Năm 2009
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	160.454.545	478.069.372
Các khoản khác	4.402.638.771	4.570.078.307
Cộng	4.563.093.316	5.048.147.679

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2010	Năm 2009
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	178.392.394	4.235.405.411
Các khoản khác	205.491.139	1.656.778.476
Cộng	383.883.533	5.892.183.887

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông của Công ty mẹ	211.753.476.598	193.229.063.506
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	211.753.476.598	193.229.063.506
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	46.807.267	30.067.277
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.524	6.427

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, các Công ty trong Tập đoàn có các giao dịch không bằng tiền như sau:

Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế số tiền là 118.232.730.000 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc		
Bán hàng hóa		412.558.926
Mua nguyên liệu		17.269.270.350
Các cá nhân có liên quan		
Bán hàng hóa		633.862.000
Mua nguyên vật liệu, dịch vụ		19.770.975.350
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	5.613.467.744	1.473.813.981
Các cá nhân có liên quan	93.385.000	258.842.500
Cộng nợ phải thu	5.706.852.744	1.732.656.481

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Năm nay
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>	
Mua hàng hóa, dịch vụ, nhận UTXK	432.029.882.359
Bán nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ	160.341.949.188
<i>Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>	
Mua hàng hóa, dịch vụ, nhận UTXK	163.967.679.418
Bán nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ	124.604.600.800

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải thu tiền hàng	1.079.294.941	4.970.225.400
<i>Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải thu tiền hàng	18.405.206.907	-
Cộng nợ phải thu	19.484.501.848	4.970.225.400
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải trả tiền hàng	65.161.572.388	22.811.800.508
<i>Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải trả tiền hàng	99.820.646.049	1.281.184.200
Cộng nợ phải trả	164.982.218.437	24.092.984.708

Đồng Tháp, ngày 17 tháng 02 năm 2011


Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quy khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	300,000,000,000	-	-	459,674,037	136,774,604	88,223,024,624	388,819,473,265
Điều chỉnh năm trước	-	-	-	-	-	(4,493,926)	(4,493,926)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-	-	401,733,934	-	-	401,733,934
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho các năm trước	-	-	-	-	-	(5,283,115,639)	(5,283,115,639)
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	25,680,000,000	92,448,000,000	-	-	-	-	118,128,000,000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	193,229,063,506	193,229,063,506
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(45,084,750,000)	(45,084,750,000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(7,886,511,870)	(7,886,511,870)
Số dư cuối năm trước	325,680,000,000	92,448,000,000	-	861,407,971	136,774,604	223,193,216,695	642,319,399,270
Số dư đầu năm nay	325,680,000,000	92,448,000,000	-	861,407,971	136,774,604	223,193,216,695	642,319,399,270
Trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	(15,526,034,445)	(15,526,034,445)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-	-	742,698,845	-	-	742,698,845
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thường cho nhân viên và tạm ứng cổ tức 2010	118,232,730,000	-	-	-	-	(118,232,730,000)	-
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	27,600,000,000	99,360,000,000	-	-	-	211,753,476,598	211,753,476,598
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	1,583,930,162	1,583,930,162
Giảm thuế TND phải nộp 2009	-	-	(32,725,310,618)	-	-	-	(32,725,310,618)
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	(4,682,681,278)	-	-	(4,682,681,278)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(3,078,574,462)	-	-	(3,078,574,462)
Số dư cuối kỳ này	471,512,730,000	191,808,000,000	(32,725,310,618)	(3,078,574,462)	136,774,604	302,771,859,010	930,425,478,534

Đồng Tháp, ngày 17 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Trưởng Thị Lệ Khanh
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Kim Đào
 Kế toán trưởng